

NHẬN DIỆN HÀNH ĐỘNG “MỜI” VÀ “RỦ” TRONG TIẾNG VIỆT

Đào Thanh Lan*

"Mời" và "rủ" là hai hành động ngôn từ cụ thể có tính cầu thuộc về kiểu loại hành động cầu khiến. Hành động cầu khiến là hành động ngôn từ được người nói/chủ ngôn nói ra, có đích ngôn trung cầu khiến là đặt người nghe/ tiếp ngôn vào trách nhiệm thực hiện hành động trong tương lai, có hướng khấp lờ là từ lời nói tới hiện thực, có điều kiện chân thành được diễn đạt là sự mong muốn của người nói và có nội dung mệnh đề là hành động tương lai của người nghe. Hành động cầu khiến bao gồm 16 hành động được xếp theo mức độ tính khiến giảm dần, tính cầu tăng dần là: *ra lệnh, cấm, cho/ cho phép, yêu cầu, đề nghị, dặn, khuyên, rủ, mời, nhờ, chúc, xin/xin phép, cầu, nài, van, lay*. Trong đó, 4 hành động: *ra lệnh, cấm, cho phép, yêu cầu mang tính khiến* (áp đặt, cưỡng bức tiếp ngôn hàng động), 3 hành động: *đề nghị, dặn, khuyên* có mức độ khiến giảm đi, xuất hiện tính cầu ở mức thấp. Chín hành động còn lại: *rủ, mời, chúc... van, lay* có tính cầu (thỉnh cầu sự tự nguyện hành động/ sự hảo tâm của tiếp ngôn) và có mức độ cầu tăng dần.

Vì *mời* và *rủ* là hai hành động được xếp liền nhau, tức là mức độ cầu gần giống nhau nên việc nhận diện và phân biệt chúng ở ý nghĩa và hình thức biểu hiện là rất cần thiết nhằm giúp cho việc sử dụng ngôn từ biểu đạt mục đích giao tiếp của mọi người mang lại hiệu quả mong muốn.

1. Hành động “mời”

Hành động mời được *Từ điển tiếng Việt*, 1992 giải thích là hành động “tỏ ý mong muốn yêu cầu người khác làm việc gì một cách lịch sự, trân trọng. Ví dụ: Mời anh tới chơi” [tr.645]. Với nghĩa đó, lời mời có đích ngôn trung cầu khiến mang lực ngôn trung cầu. Trong tiếng Việt, hành động mời là mục đích giao tiếp của lời mời, được biểu thị không chỉ bằng phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung tường minh là vị từ ngôn hành *mời, rước* (thí dụ 1- 7) mà bằng cả phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung nguyên cấp là các phương tiện hình thức ngữ pháp chuyên dụng biểu thị ý nghĩa cầu khiến như dùng vị từ tình thái *hãy* trong nhóm “*hãy, đừng, chớ*”, dùng tiểu từ tình thái cầu khiến cuối câu như *đi, đã, nhé, nào* trong số 7 tiểu từ cầu khiến “*đi, với, xem, đã, thôi, nào, nhé*”, dùng cấu trúc nêu nội dung sự tình kết hợp với ngữ điệu cầu khiến.

Thí dụ: 1- *Mời hai cậu vào xơi nước.* (Vũ Trọng Phụng *toàn tập*, tập 1, tr.75)

2- Mời chú ra ngoài sân, tôi có chuyện quan trọng muốn nói với chú. (*Không phải trò đùa*, Khuất Quang Thụy, tr.148)

* Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.

Vị từ *mời* có từ đồng nghĩa song tiết là *mời mọc* nhưng *mời mọc* là vị từ miêu tả chứ không phải là vị từ ngôn hành cầu khiến vì vị từ *mời mọc* không hoạt động trong biểu thức cầu khiến tường minh.

$$K1 = D1 + Vnhck + D2 + V(p)$$

theo thứ tự: chủ thể mời/D1 + hành động mời/ Vnhck + đối tượng mời/D2 + nội dung mời/V(p). (Trong biểu thức trên, D1 = danh/đại từ ngôi 1, Vnhck = Vị từ ngôn hành cầu khiến, D2 = danh/đại từ ngôi 2, V(p) = Vị từ có thể có thêm thành phần phụ).

Lời mời chứa vị từ *mời* có thể có thêm vị từ *xin* ở phía trước để thể hiện sắc thái lịch sự và từ *tạm* ở phía sau để thể hiện sắc thái khiêm tốn (vì vật phẩm được mời chưa xứng với người được mời).

Thí dụ: 3- Xin mời bà đi theo tôi, tôi rất được hân hạnh. (*Số đỏ*, Vũ Trọng Phụng, tr.41)

4- Xin mời quý ngài vào. (*Tuyển chọn truyện ngắn tình yêu*, 1998, tr.65)

5- Xin mời ông xoi tạm chén nước. (*Vũ Trọng Phụng toàn tập*, tr.75)

Bên cạnh việc dùng vị từ “mời” là phổ biến, có tính điển mẫu, tiếng Việt đầu thế kỷ XX còn dùng vị từ *rước* biểu thị hành động mời với tư cách là vị từ ngôn hành mang sắc thái trang trọng vì *rước* có nghĩa “a- đi thành đoàn, có cờ, trống; b- mời, đón một cách trân trọng” [*Từ điển tiếng Việt*, 1992, tr.827].

Thí dụ: 6- Gọi là có chén rượu nhạt, xin rước các cụ cứ thật thà đi cho. (Truyện ngắn Nam Cao, tr.132)

7- Lạy quan lớn, rước quan lớn ngồi. (*Vũ Trọng Phụng toàn tập*, tr.93)

Lời mời chứa phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung nguyên cấp là vị từ tình thái cầu khiến *hãy* biểu thị nội dung thỉnh cầu tiếp ngôn thực hiện hành động có biểu thức $K2 = D2 + Vtck + V(p) + (Tck)$, trong đó, tiểu từ tình thái cầu khiến (ký hiệu: Tck) có thể có mặt. (ghi chú: Vtck= vị từ tình thái cầu khiến = *hãy*)

Thí dụ: 8- Cậu *hãy* ở đây ăn cơm đã. (Truyện ngắn Thạch Lam, tr.29)

9- Chị ngồi lên đây, sao lại thế, *hãy* ngồi lên chiếc ghế này. (Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, tr.341)

Lời mời dùng cấu trúc nêu nội dung sự tình kết hợp với ngữ điệu cầu khiến thường có trong bối cảnh các vai giao tiếp có quan hệ thân thiết, thể hiện sắc thái thân mật, suồng sã.

Thí dụ: 10- Uống trà, chị. (*Cánh đồng bất tận*, Nguyễn Ngọc Tư, tr.129)

11- Ăn cho vui, cô Nga. (Truyện ngắn Thạch Lam, tr.170)

Ở đây, ngữ nghĩa biểu hiện của các vị từ thường liên quan đến việc ăn, uống, chơi, thưởng thức, là những hoạt động gắn liền với hành động mời.

Lời mời dùng tiểu từ tình thái cầu khiến cuối câu *đi, đã, nhé, nào* có biểu thức $K2 = D2 + V(p) + Tck$. Khi dùng tiểu từ “đi”, lời mời mang ý nghĩa thúc giục tiếp ngôn hành động, tức là mời một cách nhiệt tình, chủ ngôn muốn tiếp ngôn thực hiện hành động ngay.

Thí dụ: 12- Ông giáo hút trước đi. (*Truyện ngắn Nam Cao*, tr.109)

13- Chú mày uống đi. (*Cánh đồng bất tận*, Nguyễn Ngọc Tư, tr.110)

Khi dùng tiểu từ *đã*, lời mời biểu thị tình thái chủ ngôn muốn tiếp ngôn thực hiện hành động được mời trước các hành động khác nên cũng thể hiện tính chất nhiệt tình, chân thành của lời mời.

Thí dụ: 14- Chú vào nhà uống nước *đã*. (*Tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới*, 2003, tr.619)

15- *Làm một chén cho ấm đã*. (*Tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới*, 2003, tr.629)

Lời mời chứa tiểu từ *đã* mà có thêm vị từ tình thái cầu khiến *hãy* đứng trước vị từ thì có nghĩa thúc giục hành động như cách dùng với tiểu từ *đi*

Thí dụ: 16- Ông *hãy* xoi nước cái *đã*. (*Lều chông*, Ngô Tất tố, tr.199)

Lời mời với tiểu từ *nào* tạo sắc thái thiết tha, khẩn khoản.

Thí dụ: 17- *Nào* cậu Phán, mua mở hàng cho tôi *nào*. (*Truyện ngắn Nam Cao*, tr.270)

18- Uống đi, cô uống đi *nào*. (*Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam chọn lọc*, tr.115)

Lời mời dùng tiểu từ *nhé* mang sắc thái thân mật một cách lịch sự, tế nhị mà chân thành.

Thí dụ: 19- Sếp làm chút rượu tắc kè cho sung *nhé*. (*Cuộc đời dài lắm*, Chu Lai, tr.140)

20- Thủy uống bia *nhé*. (*Cơ hội của Chúa*, Nguyễn Việt Hà, tr.100)

Lời mời nguyên cấp có thể được tường minh hóa bằng cách thêm được vị từ *mời* vào trước mà nghĩa cơ bản không đổi. Chẳng hạn, lời ở thí dụ 14 có thể chuyển thành: *Mời chú vào nhà uống nước đã*.

Hành động “mời” thể hiện gián tiếp qua lời hỏi cũng có, song ít dùng vì ý nghĩa mời không rõ.

Thí dụ: 21- Có ăn không?

Kết quả thống kê về hành động mời qua tư liệu điều tra là 187 phiếu, trong đó, hành động mời tường minh có 112/187 phiếu, chiếm 59,9%, còn hành động mời nguyên cấp có 75/187 phiếu, chiếm 40,1%.

2. Hành động rủ

Hành động rủ được *Từ điển tiếng Việt*, 1992 giải thích là hành động “bảo cho người khác nghe theo để cùng làm với mình [tr.836]. *Rủ* là vị từ miêu tả để gọi tên hành động rủ, lời rủ. Từ *rủ* có biến thể song tiết là *rủ rê*.

Thí dụ: 22- Đi ăn chiều cùng anh *nhé*. (*Cơ hội của Chúa*, Nguyễn Việt Hà, tr.131)

23- Anh em mình thử tìm xem. (*Người và xe chạy dưới ánh trăng*, Hồ Anh Thái, tr.133)

24- Ta vào kia nghỉ chân một lát đã. (*Vũ Trọng Phụng toàn tập*, tr.169)

Hành động “rủ” ở các lời trên là hành động trực tiếp được thực hiện bằng lời rủ có biểu thức ngôn hành cầu khiến nguyên cấp K2 với sự có mặt của tiểu từ cầu khiến đứng cuối lời là *nhé, xem, đã*.

Hành động “rủ” có thể được biểu thị gián tiếp thông qua lời hỏi - cầu khiến (lời hỏi chứa định hướng trả lời giúp suy ý ra mục đích cầu khiến rủ) kiểu:

P + không? / P + chứ? / Hay (là) + P? (thí dụ 25, 26, 27) hoặc thông qua lời trần thuật (thí dụ 28).

Thí dụ: 25- Hôm nay là ngày lễ trọng, cậu có đi xem với tôi không?

(*Một thời đông bão*, Tạ Hữu Đình, tr.67)

26- Mày đi với tao chứ? (*Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam chọn lọc*, tr.128)

27- Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui? (*Truyện ngắn Nam Cao*, tr.55)

28- Anh vào đây mà có em đi cùng thì tiện quá. (*Quê người*, Tô Hoài, tr.127)

Về ý nghĩa, hành động rủ có đích ngôn trung là chủ ngôn đề nghị tiếp ngôn cùng thực hiện hành động với chủ ngôn bằng lực ngôn trung là mong muốn sự tự nguyện của tiếp ngôn nên lời rủ mang tính cầu. Nếu so sánh hành động rủ với hành động mời thì hành động mời chỉ đề nghị tiếp ngôn thực hiện hành động một cách lịch sự, trân trọng (có thể cùng hoặc không cùng với chủ ngôn) nên tính chất cùng thực hiện hành động của tiếp ngôn và chủ ngôn là tùy ý thì ở hành động rủ là bắt buộc. Về hình thức biểu hiện, lời rủ không có vị từ ngôn hành tường minh tương ứng còn lời mời thì có. Cho nên lời mời có tính tường minh, tính lịch sự cao hơn lời rủ, còn lời rủ thì mang tính thân mật, suồng sã hơn lời mời. Vì thế, khi lời rủ và lời mời không khác biệt về nghĩa thì lời mời thường được biểu thị bằng biểu thức ngôn hành tường minh K1 chứa vị từ *mời* còn lời rủ dùng biểu thức ngôn hành nguyên cấp K2.

Thí dụ: 29- Mời bác ra ngồi chơi với em. (*Vũ Trọng Phụng toàn tập*, tr.85) -> lời mời

30- Sao không lại đây, Hiền? Lại đây chơi với tôi. (*Truyện ngắn Thạch Lam*, tr.169)
-> lời rủ

Khi dùng phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung nguyên cấp theo mô hình biểu thức K2, hành động rủ giống mời ở chỗ chỉ dùng vị từ tình thái cầu khiến *hãy* mang nghĩa yêu cầu thực hiện hành động chứ không dùng *dùng/ chớ* mang nghĩa ngăn cản thực hiện hành động. Đối với các tiểu từ tình thái cầu khiến thì hành động rủ dùng 6/7 tiểu từ là: *đi, xem, đã, thôi, nào, nhé* (không dùng tiểu từ *với* cuối lời vì lời rủ thường có mặt giới từ *với*). Đây là hiện tượng tránh trùng lặp của ngôn ngữ) trong khi lời mời thường sử dụng 4 tiểu từ: *đi, đã, nào, nhé*.

Thí dụ: 31- Hãy ở lại với em. (*Hồn đất*, Thiên Sơn, tr.172) -> lời rủ

32- Ông vào với con *đi*, trong chợ vui lắm. (*Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu*, tr.475) -> lời rủ

33- Anh yêu ơi, sang đây cùng làm với bọn em cho vui *nào*. (*Một thời đông bão*, Tạ Hữu Đình, tr.120) -> lời rủ

34- Mình về thôi anh. (*Người và xe chạy dưới ánh trăng*, Hồ Anh Thái, tr.133) -> lời rủ

Kết quả thống kê về hành động rủ qua tư liệu điều tra là 186 phiếu, trong đó, hành động rủ trực tiếp theo biểu thức K2 có 144/186 phiếu, chiếm 77,4%, rủ có phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung là tiểu từ cầu khiến có 95/144 phiếu, chiếm 65, 9%, trong đó tiểu từ *đi* và *nhé* được dùng nhiều nhất (*đi*: $39/95 = 41\%$, *nhé*: $33/95 = 34,7\%$), còn hành động rủ gián tiếp có 42/186 phiếu, chiếm 22,6%.

Như vậy, có thể nhận diện lời rủ và lời mời dựa vào các đặc điểm khác nhau của chúng về ý nghĩa và hình thức biểu hiện. Trước hết, lời rủ chỉ dùng phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung nguyên cấp theo biểu thức K2 và phương tiện gián tiếp còn lời mời thì dùng thêm cả phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung tường minh theo biểu thức K1. Vậy lời chứa vị từ *mời/ rước* theo biểu thức K1 là lời mời. Tiếp theo, dựa vào ý nghĩa để nhận diện những lời dùng phương tiện chỉ dẫn lực ngôn trung nguyên cấp theo biểu thức K2 thì những lời không nêu rõ tính chất cùng thực hiện hành động của tiếp ngôn và chủ ngôn là lời mời còn những lời yêu cầu tiếp ngôn cùng thực hiện hành động với chủ ngôn là lời rủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Ngôn ngữ học đại cương*, tập 2: Ngữ dụng học. NXB. Giáo dục, 2001.
2. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học tập 1*. NXB. Giáo dục, 1998.
3. Nguyễn Thiện Giáp, *Giáo trình Ngôn ngữ học*. NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
4. Đào Thanh Lan, “Nhận diện hành động này/ nài ni trong tiếng Việt”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 11, 2009.
5. Searle, J.R. *Speech acts*. Cambridge University Press, 1969.